

Số: 808/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 31 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2014

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND các cấp ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 3742/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai và Tổ giúp việc cho Hội đồng;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 08/TTr-STTTT ngày 24/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2014, như sau:

(có kết quả chi tiết kèm theo)

Điều 2. Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lào Cai năm 2014.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. / *sm*

Nơi nhận:

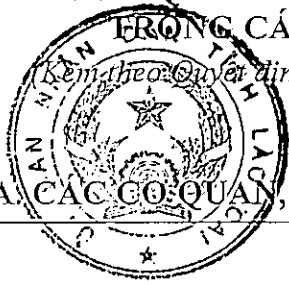
- TT: TÚ, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (QĐ);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH(Bình), VX. *lin*



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Thanh

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT
TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH LÀO CAI - 2014



(Kèm theo Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Lào Cai)

A. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH:

TT (Xếp hạng)	Tên đơn vị	Điểm thành phần						Tổng điểm
		Hạ tầng kỹ thuật CNTT	ỨD CNTT trong hoạt động CQNN	ỨD CNTT phục vụ người dân và DN	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Nhân lực CNTT	Cơ chế chính sách	
I	Mức tốt:							
1	Sở Thông tin và Truyền thông	12	35	18,5	10	7	15	97,5
2	Sở Tài chính	12	34	19	11	6	15	97
3	Sở Xây dựng	9	34	15,5	10	5,5	11	85
4	Sở Khoa học – Công nghệ	12	30,5	14,5	10	7	9	83
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12	25,5	14	9	7	15	82,5
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	9	27	16	10	6	13	81
7	Văn phòng UBND tỉnh	12	27	13,5	11	7	10	80,5
II	Mức khá:							
8	VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	12	26	18	6	6	9	77
9	Ban Dân tộc	9	23	16	10	4	15	77
10	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	8	26	16,5	5	6	15	76,5
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	12	22	14	5	6	7	66
12	Sở Y tế	9	20,5	15	9	6	6	65,5
13	Sở Nội vụ	11	22	15	4	6	6	64
14	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	9	13	14	5	6	15	62
15	Sở Ngoại vụ	12	15	15	4,5	6	9	61,5
16	Sở Công thương	11	14	16	5	6	9	61
III	Mức trung bình:							
17	Thanh tra tỉnh	12	15	16	5	6	3	57
18	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	8	17	14	5	6	3	53
19	Sở Tư pháp	9	20	14	1,5	2	6	52,5
20	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	9	15	11	10	5,5	0	50,5
21	Sở Giao thông vận tải	9	13	16,5	6	5,5	0	50
IV	Mức yếu:							
22	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai	9	10	12,5	8	6	0	45,5

SM

B. UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

TT (Xếp hạng)	Tên đơn vị	Điểm thành phần							Tổng điểm
		Hạ tầng kỹ thuật CNTT	UD CNTT trong hoạt động CQNN	UD CNTT phục vụ người dân và DN	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Nhân lực CNTT	Cơ chế chính sách	UD CNTT tại cấp xã	
I	Mức tốt:								
1	Thành phố Lào Cai	10	29	12	9	6	12	8	86
2	Huyện Văn Bàn	10	20	11,5	10	5,5	15	8,5	80,5
II	Mức khá:								
3	Huyện Bát Xát	10	19	13	8,5	6	8	10	74,5
4	Huyện Bắc Hà	6,5	26	11	3	5,5	9	7,5	68,5
5	Huyện Si Ma Cai	8	17,5	11	7,5	5	12	2	63
III	Mức trung bình:								
6	Huyện Bảo Thắng	8	9	11	7	5,5	9	8	57,5
7	Huyện Bảo Yên	3	15	10	6	5,5	9	8,5	57
8	Huyện Mường Khương	8	9,5	10,5	5	6	3	8	50
IV	Mức yếu:								
9	Huyện Sa Pa	4	13	12	4	5,5	3	8	49,5

sm